



KHANG THAI
TECHNICAL SERVICES COMPANY LIMITED

COMPANY PROFILES



“Our vision is to be an organization of **QUALITY SKILLS & SERVICES** for the wide spectrum of Construction industry, Oil & Gas, & Maritime.

Khang Thai Technical Services Company Limited

(Khang Thai):

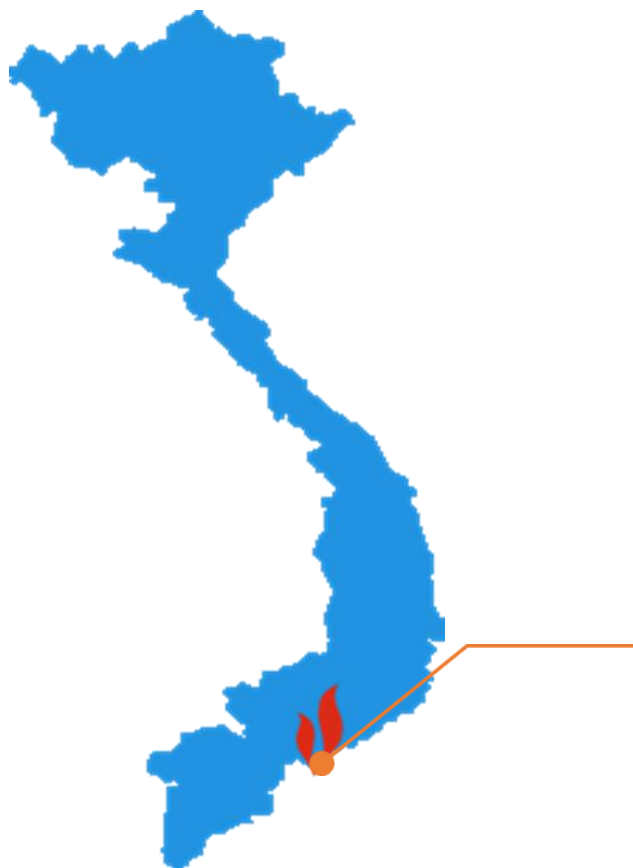
Head office: No.18, Tang Bat Ho Street., Ward 9, Vung Tau City, S.R Viet Nam

Workshop: No. 973, 30/4 Road, Ward 11, VungTau city, S.R Vietnam

Tel: +84 254 3510 939 Fax: +84 254 3510 939

Hotline: +84 934 39 93 39/+84 931 858 86 88

Email: info@khangthailtd.com





We supply highly skilled technical human resources (Crews, engineers, welders, fitters, mechanics, etc.) at the demand of domestic and international partners.



We provide advanced and innovative marine and port project solutions for the support and development of the maritime industry.



We provide advanced and innovative project solutions for the support and development of the regional and local onshore and offshore oil and gas industry.



About Us

Khang Thai company provide high quality advisory and development services in Construction industry, Marine & Oil-Gas industry (Fabrication and Installation Structure, Piping & Mechanical, E&I... for Oil & Gas; Modification and maintenance services, Supply services equipment for construction, Materials supply etc...). Specially, **Khang Thai Copany** supply highly skilled technical human resources (Crews, engineers, welders, fitters, mechanics, etc...) at the demand of domestic and international partners.

Head office: No.18, Tang Bat Ho Street., Ward 9, Vung Tau City, S.R Viet Nam

Workshop: No. 973, 30/4 Road, Ward 11, VungTau city, S.R Vietnam

Tel: +84 254 3510 939 Fax: +84 254 3510 939

Hotline: +84 934 39 93 39

Email: info@khangthailtd.com

Website: [www.https://khangthailtd.com](https://khangthailtd.com)

Contact person:

Mr. Thi Nguyen- CEO Email: thing@khangthailtd.com

Phone: +84 0934 39 93 39/+84 931 858 86 88



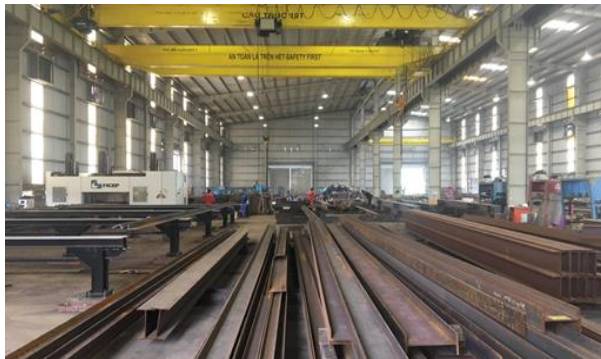
Company Vision & Mission

VISION

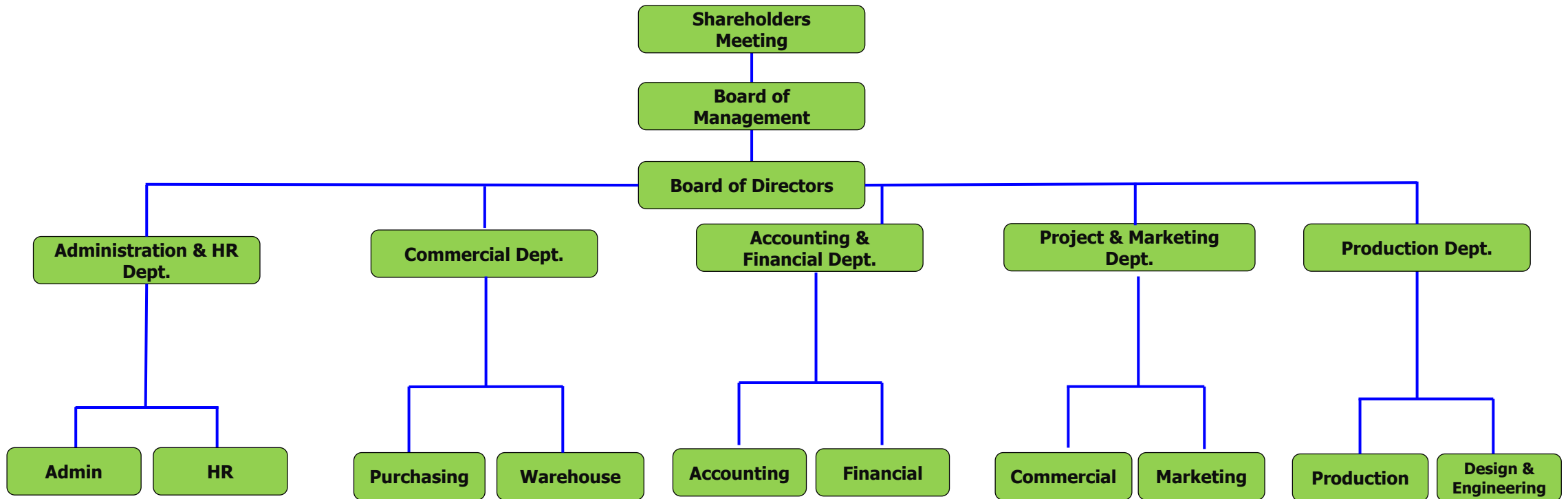
*To be an organization of **QUALITY SKILLS & SERVICES** for the wide spectrum of Construction industry, Oil & Gas, as well as Maritime.*

MISSION

*“To provide the **best in class services**, **maximizing value** for customer, being a **reliable partnership** in the Industry”*



Organization Chart



Legal Company Profiles



Certificate of business registration

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 3502451964
Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 04 năm 2021
Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 20 tháng 09 năm 2024

1. Tên công ty
 Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHANG THÁI
 Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHANG THAI TECHNICAL SERVICES COMPANY LIMITED
 Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính
 Số 18 Tầng Bạt Hố, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
 Điện thoại: 0254.3510939 Fax: 0254.3510939
 Email: info@khangthaitd.com Website:

3. Vốn điều lệ : 3.600.000.000 đồng.
 Bằng chữ: Ba tỷ sáu trăm triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn


STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VND) và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM VĂN CHIẾN	Việt Nam	Đội Lộc Thượng, Xã Yên Đồng, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	1.800.000.000	50,000	036085006765	

2	LƯU BÍCH HẢ	Việt Nam	121/31/TC Ba Cù, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	1.800.000.000	50,000	091191016750	
---	-------------	----------	---	---------------	--------	--------------	--

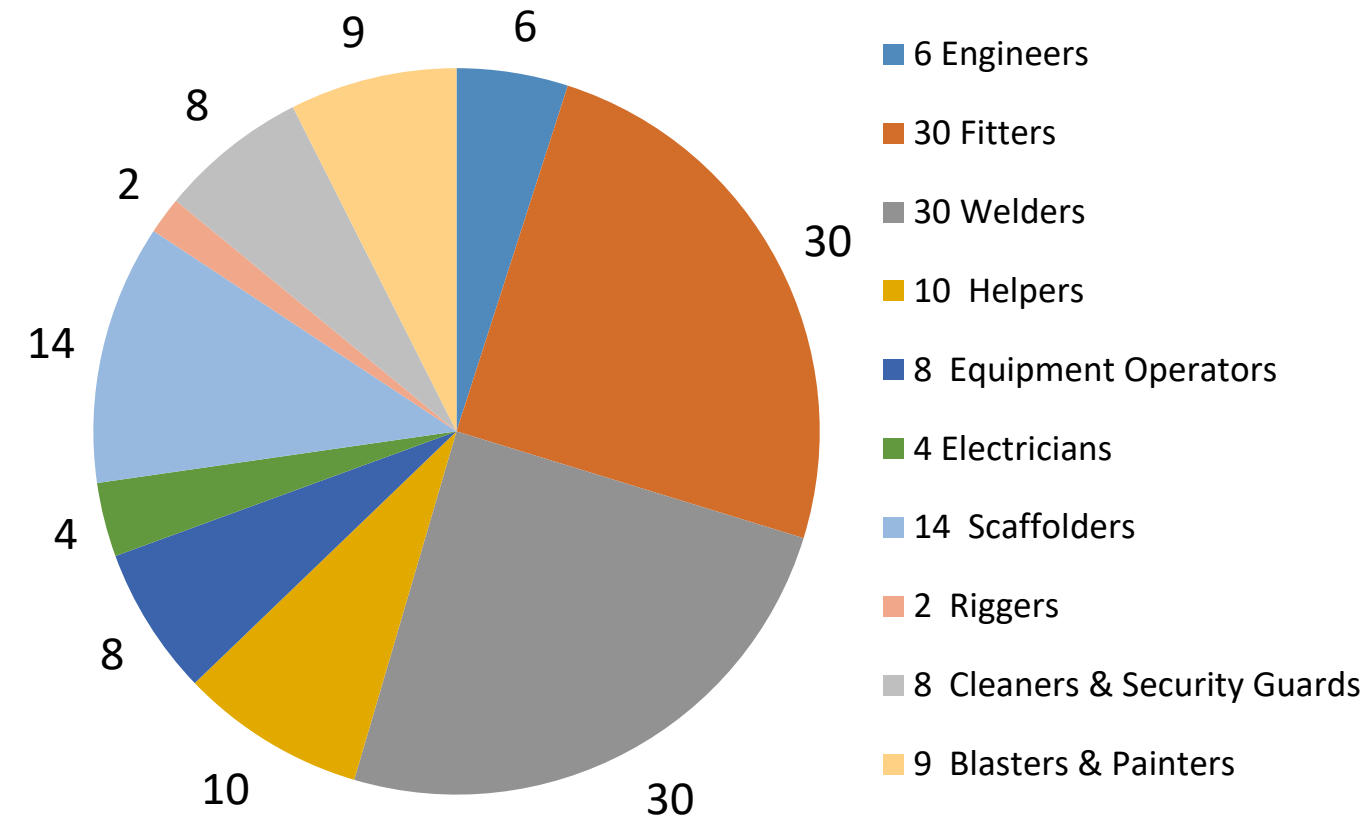
5. Người đại diện theo pháp luật của công ty
 * Họ và tên: PHẠM VĂN CHIẾN Giới tính: Nam
 Chức danh: Giám đốc Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
 Sinh ngày: 20/04/1985 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036085006765
 Ngày cấp: 27/12/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Đội Lộc Thượng, Xã Yên Đồng, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam
 Địa chỉ liên lạc: Đội Lộc Thượng, Xã Yên Đồng, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG


Phạm Văn Chiến

Workforce



Total number of employees: 120+

WORKSHOP/YARD



Premises / Equipment

- Location: Vung Tau city, S.R Vietnam
- Fabrication area: 5 ha
- Water depth: 7.0 – 9.0m
- Jetty length: 142.0m
- Jetty designed for 10,000 DWT Vessels
- Jetty distribution: Max 50 MT/m²
- Yard distribution: Max 35 MT/m²
- Average production capacity: up to 40,000 MT per year



Yards & Workshops

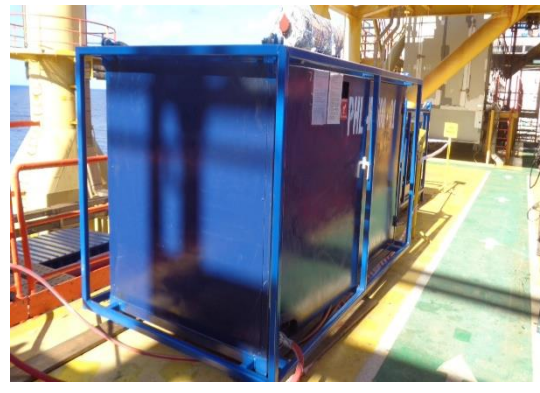


Equipment Capability

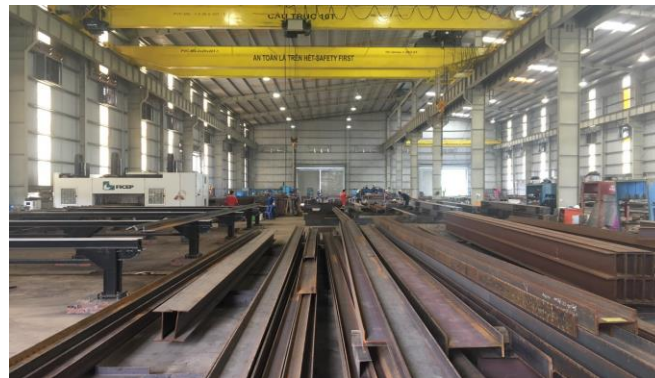
No.	Name of Equipment (MAIN)	Quantity	Capacity	Feature	Original	Production Year	Status
1	Ultra High Pressure (UHP) 2500 bar	1	2500 bar	Sugino	Japan	2011	good
2	Ultra High Pressure (UHP) 2500 bar	1	2500 bar	Uraca	German	2012	good
3	Ultra High Pressure (UHP) 2500 bar	1	2500 bar	Hammermal	German	2010	good
4	TIG Welding Machine	10	200-500A	JASIC	VN/China	2020	good
5	SMAW/FCAW Welding Machine	6	200-500A	JASIC	VN/China	2020	good
6	Air compressor	2	130-250CFM	HITACHI	Japan	2015	good
7	Air compressor	4	130-250CFM	DENYO	Japan	2012	good
8	Painting machine	5	45/60 bar	HK63	Korea	2021	good
9	Grinding machine	20		MIKITA	Japan	2020	good
10	Chipping machine	18		JET-CHISEL	Japan	2020	good
11	CNC cutting machine	2		2mx6m	VN	2015	good
12	Hydraulic jack	4	100 T	OSAKA	Japan	2009	good
13	Truck (Rent)	2	3.5T	IZUSU	Japan	2010-2011	good
14	Forklift (Rent)	2	5-7T	HYSTER	U.S.	2011	good



Equipment Capability



Equipment Capability



Construction & Build Works

We do the Construction & Build Works inclusive of:

- Construction consultancy contract
- Engineering – Construction (EC contract)
- Engineering - Procurement – Construction (EPC Contract)
- Engineering – Procurement (EP)
- Turnkey contract
- Contract to supply manpower, construction machines and equipment
- Civil engineering
- Electrical
- Insulation for tank/pipe line system
- Water system/pipeline system
- An-ti corrosion control



Construction & Build Works



Mechanical Fabrication Services

We do the mechanical fabrication for:

- Hull block fabrication...
- Piping spool fabrication/installation
- Beam and structure, Skid fabrication
- Offshore containers, gas racks, long-basket fabrication...
- Steel structure & piping fabrication productivity:
- Steel structure fabrication/Piping fabrication...



Mechanical Fabrication Services/Welding procedures

KHANG THAI TECHNICAL SERVICES COMPANY No. 18, Tang Bat Ho St., Ward 9, Vung Tau City, S.R Viet Nam		WPS No. WPS-KT-P01 REVISION : 0 DATE: October 14, 2024 PAGE: 01 of 01	
WELDING PROCEDURE SPECIFICATION			
Contractor: KHANG THAI TECHNICAL SERVICES COMPANY		Supporting PQR: PQR-KT-P01	
Description: WPS used for Piping		Welding Process: GTAW	
Specification: ASME IX-2023		Welding Type: JOINT TO BE APPLIED	
BASE METAL (QW-403)		JOINT TO BE APPLIED	
Material Specifications: ASTM A106 Grade B or Equivalents		<p>1. For Butt Weld, T-Butt Weld: Groove angle: $\alpha = 45^\circ - 70^\circ$ Root opening: $G = 2 - 4$ mm Root face: $F = 0 - 1$ mm</p> <p>2. For Socket Joint: T_w = Nominal pipe wall thickness C_x = Min. $1.09T_w$ or the thickness of the socket wall, whichever is less</p> <p>Gap before welding: Approx. 1.5 mm</p> <p>Becker wall thickness</p>	
P-No./ Group No. P-No. 1 Gr-No. Any to P-No. 1 Gr-No. Any			
Thickness: Groove: 1.5 to 14.22 mm Fillet: All Thk. (mm)			
Diameter: Unlimited			
Max. pass thk. ≤ 13 mm (For SMAW): N/A			
FILLER METALS (QW-404)			
Layer: All Layers			
Process: GTAW			
F No.: 6			
A No.: 1			
Specification: SFA 5.18			
Class: ER70S-6			
Elect/Filler Dia: 2.4 mm			
Electrode/Filler Trade Name: KOBELCO TG-S51T			
Weld Metal Deposited: Max 14.22 mm			
Groove: All Thickness			
Non-Consumable Elect: EW Th-2			
Non-Consumable Elect Dia: $\varnothing 2.4$ mm			
GAS (QW-408)		TECHNIQUE (QW-410)	
Type of Gas: Mixture		Process: GTAW	
Shielding: Argon (99.99%)		String or Weave Bead: Weave-Max. 10mm	
Flow Rate: 15 - 20 l/min		Nozzle Size: No.6	
Backing: N/A		Interpass Cleaning: Brushing/ Grinding	
Preheat Temperature: Ambient (Minimum 10°C)		Stick-out Length: N/A	
Method of Preheat (if any): Heating Torch		Multiple or Single Pass: Multiple	
Max. Interpass Temperature: 220°C		Multiple or Single Electrode: Single	
Preheat Maintenance: N/A		ELECTRICAL CHARACTERISTICS (QW-409)	
Method of Checking: Pyrometer/Tempstick		Process: GTAW	
POSTWELD HEAT TREATMENT (QW-407)		Current Types/Characteristic: DC/CC	
Temperature range: N/A		Polarity: DCEN	
Time range: N/A		Mode of metal transfer for GMAW: N/A	
Cooling Rate: N/A		WELDING PARAMETERS	
Heating Rate: N/A		Layer	
		Process	
		Class	
		Dia	
		Polarity	
		Amperage	
		Voltage	
		T-speed	
		WFS	
		Heat Input	
		Root	
		Hot	
		Fill	
		Cap	
NOTES:			
1. Tack welds at root area shall be carried out with the same conditions as the "root pass". Tackering parameter using bullet will be followed the approved WPS. For bullet tacking, the bridge tabs to be inserted at the groove area, and shall be cut from material of the same grade and type as base metal being welded.			
2. Welding shall not be stopped before the second pass is completed, and until the thickness of the deposited weld metal is at least equal to one third of the pipe wall thickness.			
3. This WPS may be used for the repair of cracked weld and edge repairs. Repair at the same location is maximum of two times.			
4. The weld area shall be adequately protected from wind, moisture, through welding.			
Prepared By: <i>Le Dinh Phuc</i>		Approved By: <i>Le Xuyen Dung</i>	
Name: <i>Le Dinh Phuc</i>		Name: <i>Le Xuyen Dung</i>	
Signature: <i>[Signature]</i>		Signature: <i>[Signature]</i>	
Date: 14-10-2024		Date: 14-10-2024	

KHANG THAI TECHNICAL SERVICES COMPANY		PQR No. PQR-KT-P01 Revision: 0 Page: 1 of 3 Date: 11-Oct-2024	
PROCEDURE QUALIFICATION RECORDS (PQR)			
Organization Name: KHANG THAI TECHNICAL SERVICES COMPANY		Procedure Qualification Record No.: PQR-KT-P01	
WPS No.: WPS-KT-P01		Welding process(es): GTAW	
Code: ASME IX-2023 Edition		Types: Manual (Manual, Automatic, Semi-Automatic)	
JOINTS (QW-402)		POST WELD HEAT TREATMENT (QW-407)	
Root Gap (G): 3 mm		Temperature: N/A	
Root Face (F): 0.5 + 1 mm		Time: N/A	
Groove Angle (α): 60°		Cooling Rate: N/A	
<p style="text-align: center;">Groove Design of Test Coupon</p>		Heating Rate: N/A	
		Other: N/A	
		Diameter of Test Coupon: $\varnothing 168.3$ mm	
		Thickness of test coupon: 7.11 mm	
		Maximum Pass Thickness: 2 mm	
FILLER METALS (FM) (QW-404)		GAS (QW-408)	
Process: GTAW		Shielding: Argon (99.99%)	
SFA Specification: SFA 8.18		Flow Rate: 15 - 20 l/min	
AWS Classification: ER70S-6		Trailing: N/A	
Filler Metal F-No.: 6		Backing: N/A	
Weld Metal Analysis A-No.: 1		Other: N/A	
Size of Filler metal: 2.4 mm		ELECTRICAL CHARACTERISTICS (QW-409)	
Filler Metal product form: Solid Bare Rod		Current/ Polarity: DCEN	
Supplemental Filler Metal: N/A		Waveform Control: N/A	
Electrode Flux Classification: N/A		Tungsten Elec. Dia & Type: $\varnothing 2.4$ mm; EWTh-2	
Flux Type: N/A		Transfer Mode for GMAW: N/A	
Flux Trade name: N/A		Heat input: Refer to Welding Parameter Record	
Weld metal thickness: 7.11 mm		Pulsing current: N/A	
Filler metal Trade Name: KOBELCO TG-S51T		TECHNIQUE (QW-410)	
Lot No.: PHS00RB1255		String or Weave bead: Weave	
POSITION (QW-405)		Orifice, cup, or nozzle size: No.6	
Position: 6G		Interpass Cleaning: Brushing/ Grinding	
Weld Progression (Uphill, Downhill): Uphill		Multiple or Single Pass: Multiple	
Other: N/A		Oscillation: N/A	
PREHEAT (QW-406)		Closed to out chamber: N/A	
Preheat temperature (min.): Ambient temperature		Single or Multiple Elec.: Single	
Interpass temperature (max.): 165°C		Method of back gouging: N/A	
Method of Preheat: N/A		Electrode spacing: N/A	
Method of Checking: Pyrometer/Tempstick		Peening: N/A	
		Use of thermal processes: N/A	
PREPARED BY		APPROVED BY	
Name: <i>Le Dinh Phuc</i>		Name: <i>Le Xuyen Dung</i>	
Signature: <i>[Signature]</i>		Signature: <i>[Signature]</i>	
Date: 11-Oct-2024		Date: 11-Oct-2024	

KHANG THAI TECHNICAL SERVICES COMPANY		PQR No. PQR-KT-P01 Revision: 0 Page: 2 of 3 Date: 11-Oct-2024					
PROCEDURE QUALIFICATION RECORDS (PQR)							
TENSILE TEST (QW-150)							
Specimen No.	Width (mm)	Thickness (mm)	Area (mm ²)	Ultimate Total Load (KN)	Ultimate Unit Stress (Mpa)	Failure Location	
241121 T1	19.01	7.29	-	65.55	473	Base Metal	
241121 T2	19.02	7.37	-	68.46	488	Base Metal	
Alternative Tension Specimen Specification (QW-462): N/A							
GUIDE-BEND TESTS (QW-190)							
Specimen No.	Thickness (mm)	Width (mm)	Former Dia (mm)	Type of bend	Result	Remarks	
241121 B1	7.11	38	28.4	Face Bend	ACC	No defect in weld metal & HAZ	
241121 B2	7.11	38	28.4	Face Bend	ACC	No defect in weld metal & HAZ	
241121 B3	7.11	38	28.4	Root Bend	ACC	No defect in weld metal & HAZ	
241121 B4	7.11	38	28.4	Root Bend	ACC	No defect in weld metal & HAZ	
TOUGHNESS TESTS (QW-170)							
Specimen No.	Notch Location	Specimen Size (mm)	Test Temp. (°C)	Toughness Values		Drop Weight Break (Y/N)	
				ft-lb or J	% Shear	Mils (in.) or mm	
Comments: Mechanical Test: refer to Attachment Report number 241121							
FILLET-WELD TEST (QW-180)							
Result - Satisfactory:	N/A	No	N/A	Penetration into Parent Metal:		N/A	
Macro - Results:	N/A						
OTHER TESTS							
Type of Test	Vicker's Hardness: 241121 HN1			Macro-etching: 241121 M1			
Deposite Analysis	N/A						
Other	MT Report: 182/24-M-001 RT Report: 182/24-003						
Welder's Name	DAU CONG HOA	ID No.	04082022163	Welder No.	KT-001		
Test Conducted by	NGUYEN CONG BINH			Laboratory Test No. VILAS 814			
WE CERTIFY THAT THE STATEMENTS IN THIS RECORD ARE CORRECT AND THAT THE TEST WELDS WERE PREPARED, WELDED, AND TESTED IN ACCORDANCE WITH THE REQUIREMENTS OF SECTION IX-2023 EDITION OF THE ASME BOILER AND PRESSURE VESSEL CODE.							
PREPARED BY		APPROVED BY		THIRD PARTY			
Name: <i>Le Dinh Phuc</i>		Name: <i>Nguyen Quang Hu</i>		Name: <i>Le Xuyen Dung</i>			
Signature: <i>[Signature]</i>		Signature: <i>[Signature]</i>		Signature: <i>[Signature]</i>			
Date: 11-Oct-2024		Date: 11-Oct-2024		Date: 11-Oct-2024			

Mechanical Fabrication Services / Welder certifications



WELDER PERFORMANCE QUALIFICATION

According to **ASME IX 2023**

Ref. No:
10531905-WQT-24-002

Project	Welder qualification
Welder's/Operator's/Tack welder' Name	DAU CONG HOA
DoB	23-02-1982
ID No.	040082022163
Stamp no	KT-001
Manufacturer/Employer	KHANG THAI TECHNICAL SERVICES COMPANY
This test is performed at	Khang Thai's Workshop, Vung Tau City
Date of Test	03 Oct 2024
Employer's Welding Procedure No.	pWPS-KT-P001



BASE MATERIAL, WELDING CONSUMABLES AND WELDING PARAMETERS		
VARIABLE	TEST CONDITION	QUALIFICATION RANGE
Welding process	GTAW, Manual	GTAW, Manual
Weld Progression	Uphill	Uphill
Single or multi electrodes	Single	Single
Welding positions	6G	All
Base material designation	A106 Gr. B	P-No.1 thru 15F, 34, 41 thru 49 or equivalent
Material thickness, mm	7.11	See below
Weld deposit thickness, mm	7.11	Groove: max 14.22, PJP or fillet: all
Pipe diameter, mm	168.3	Pipe OD 73 and over and plate
Groove, type and definition	Single V-groove 60°	Groove and fillet
Backing (type of)	No	With or w/o backing
Consumable, trade name	Kobelco TG-S51T	All within F range below
Consumable, code grouping	F6	GTAW: F6
Consumable, code specification	SFA 5.18	All within F range above
Consumable, AWS classification	ER70S-6	All within F range above
Consumable, diameters, mm	2.4	2.4 recommended
Flux-Electrode	NA	NA
Current and polarity	DCEN	DCEN
Consumable, product form	Solid rod	Solid Rod
Weld metal transfer mode	NA	NA
Shielding gas	Ar 99.95%	Ar 99.95%
Backing gas	No	With or Without

Other information (Pre- and/or post weld heat treatment, etc.): **NA**

LEGAL DISCLAIMER: Unless otherwise stated in the applicable contract with the holder of this document, or following from mandatory law, the liability of DNV AS, its parent companies and subsidiaries as well as their officers, directors and employees ("DNV") arising from or in connection with the services rendered for the purpose of the issuance of this document or reliance thereon, whether in contract or in tort (including negligence), shall be limited to direct losses and under any circumstance be limited to 300,000 USD.



Form code: WELD 261 MOD

Revision: 2023-01

www.dnv.com

Page 1 of 2



WELDER PERFORMANCE QUALIFICATION

According to **ASME IX 2023**

Ref. No:
10531905-WQT-24-003

Project	Welder qualification
Welder's/Operator's/Tack welder' Name	DUONG PHUC TRAN
DoB	29-10-1982
ID No.	001082034878
Stamp no	KT-002
Manufacturer/Employer	KHANG THAI TECHNICAL SERVICES COMPANY
This test is performed at	Khang Thai's Workshop, Vung Tau City
Date of Test	03 Oct 2024
Employer's Welding Procedure No.	pWPS-KT-P001



BASE MATERIAL, WELDING CONSUMABLES AND WELDING PARAMETERS		
VARIABLE	TEST CONDITION	QUALIFICATION RANGE
Welding process	GTAW, Manual	GTAW, Manual
Weld Progression	Uphill	Uphill
Single or multi electrodes	Single	Single
Welding positions	6G	All
Base material designation	A106 Gr. B	P-No.1 thru 15F, 34, 41 thru 49 or equivalent
Material thickness, mm	7.11	See below
Weld deposit thickness, mm	7.11	Groove: max 14.22, PJP or fillet: all
Pipe diameter, mm	168.3	Pipe OD 73 and over and plate
Groove, type and definition	Single V-groove 60°	Groove and fillet
Backing (type of)	No	With or w/o backing
Consumable, trade name	Kobelco TG-S51T	All within F range below
Consumable, code grouping	F6	GTAW: F6
Consumable, code specification	SFA 5.18	All within F range above
Consumable, AWS classification	ER70S-6	All within F range above
Consumable, diameters, mm	2.4	2.4 recommended
Flux-Electrode	NA	NA
Current and polarity	DCEN	DCEN
Consumable, product form	Solid rod	Solid Rod
Weld metal transfer mode	NA	NA
Shielding gas	Ar 99.95%	Ar 99.95%
Backing gas	No	With or Without

Other information (Pre- and/or post weld heat treatment, etc.): **NA**

LEGAL DISCLAIMER: Unless otherwise stated in the applicable contract with the holder of this document, or following from mandatory law, the liability of DNV AS, its parent companies and subsidiaries as well as their officers, directors and employees ("DNV") arising from or in connection with the services rendered for the purpose of the issuance of this document or reliance thereon, whether in contract or in tort (including negligence), shall be limited to direct losses and under any circumstance be limited to 300,000 USD.



Form code: WELD 261 MOD

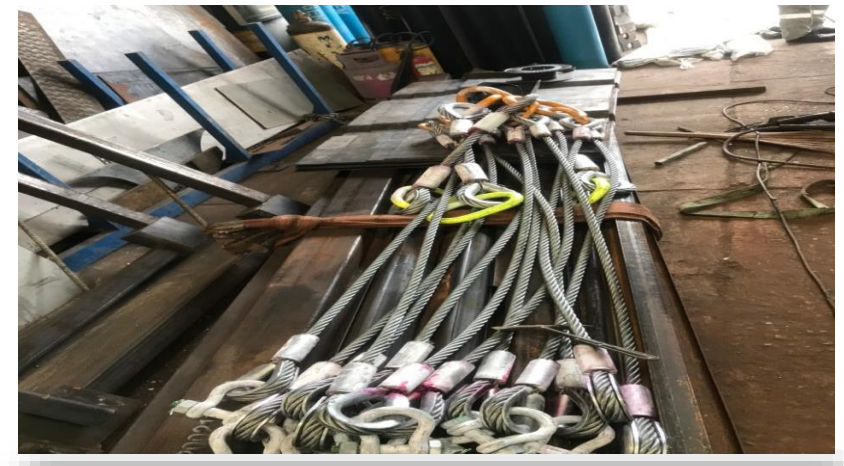
Revision: 2023-01

www.dnv.com

Page 1 of 2



Mechanical Fabrication Services



Construction of insulation for piping systems and equipment



Piping fabrication & Installation Services



FPSO BUMI ARMADA TGT1

- *Project: Fabrication & Offshore installation for piping system*
- *Client : BUMI ARMADA BE HAD*
- *Location: Offshore Vietnam*

Long Phu 1 Thermal Power Plant

- *Project: Cooling Water Pipe installation for Long Phu 1 Thermal Power Plant*
- *Client : PTSC Long Phu*
- *Location: On-shore Vietnam*



Piping fabrication



A1 Package - Long Son Petrochemical Plant

- *Project: Shop Piping fabrication for A1 Package - Long Son Petrochemical Plant*
- *Client : TPSK/PTSC Quang Ngai*
- *Location: On-shore Vietnam*



Piping fabrication



- *Project: Spool fabrication for FPSO PTSC Lam Son; FPSO RUBY II*
- *Client : PTSC PS*
- *Location: On-shore Vietnam*



FPSO/FSO Hull/Tanks repair Services



- *Project: FPSO RUBY II*
- *Client : PTSC PS*
- *Location: Offshore Vietnam*



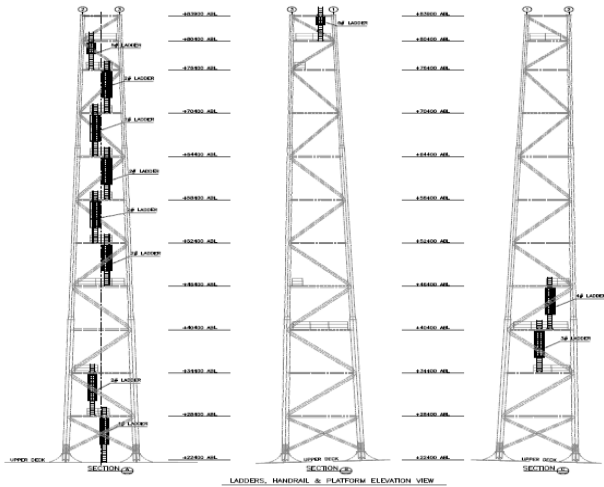
FPSO/FSO Hull/Tanks repair Services



- *Project: FPSO RUBY II*
- *Client : PTSC PS*
- *Location: Offshore Vietnam*



Flare Tower Structure repair Services



- *Project: FPSO RUBY II*
- *Client : PTSC PS*
- *Location: Offshore Vietnam*



Anti-corrosion services



CUU LONG CPP Platform

- *Project: Provision of Painting Services for CUU LONG Platform*
- *Location: Offshore Vietnam*



Anti-corrosion services



FPSO RUBY II

- *Project: Provision of Painting Services for FPSO RUBY II*
- *Location: Offshore Vietnam*
- *Owner: PTSC PS*



Anti-corrosion services



FPSO PTSC LAM SON

Project: Provision of Painting Services for PTSC LAM SON

- *Location: Offshore Vietnam*
- *Owner: PTSC PS*



Anti-corrosion services



FSO GOLDEN STAR

Project: Provision of Painting Services for GOLDEN STAR

- *Location: Offshore Vietnam*
- *Owner: PTSC PS*



Anti-corrosion services



FSO PTSC BIENDONG 01

Project: Provision of Painting Services for FSO PTSC BIENDONG 01

- *Location: Offshore Vietnam*
- *Owner: PTSC PS*

Anti-corrosion services



CCP SU TU VANG CUU LONG JOC

Project: Provision of Painting Services for CCP SU TU VANG CUU LONG JOC

- *Location: Offshore Vietnam*
- *Owner: CUU LONG JOC*



Anti-corrosion services



TBDP-A THAI BINH PETRONAS

Project: Provision of Painting Services for TBDP-A THAI BINH

- *Location: Offshore Vietnam*
- *Owner: PETRONAS VIETNAM*



Insulation fabrication & Installation



- *Project: PETROCHEMICAL COMPLEX IN SOUTH OF VIETNAM*
- *Client : Siam Cement Group (Thailand)/Manh Thang Co.,Ltd*
- *Location: On-shore Vietnam*

- *Project: MODULAR Sox SCRUBBER RETROFIT*
- *Client : WARTSILA*
- *Location: On-shore Vietnam*



Insulation fabrication & Installation



- *Project: FPSO RUBY II*
- *Client : PTSC PS*
- *Location: Offshore Vietnam*

- *Project: FPSO PTSC LAM SON*
- *Client : PTSC PS*
- *Location: Offshore Vietnam*

Insulation fabrication & Installation



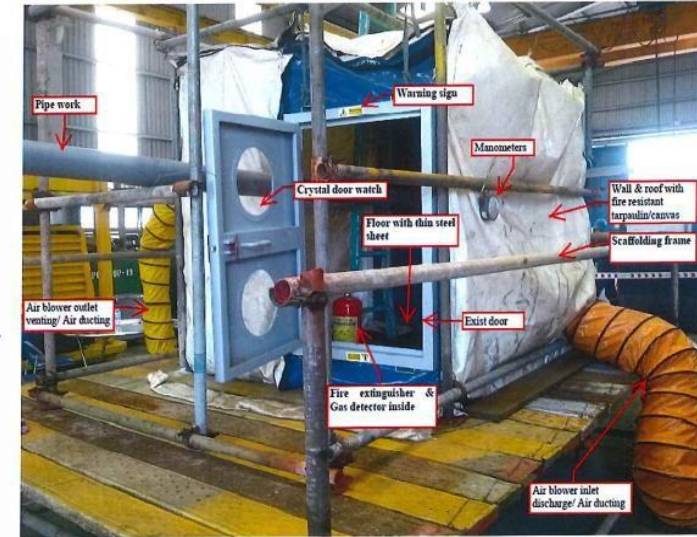
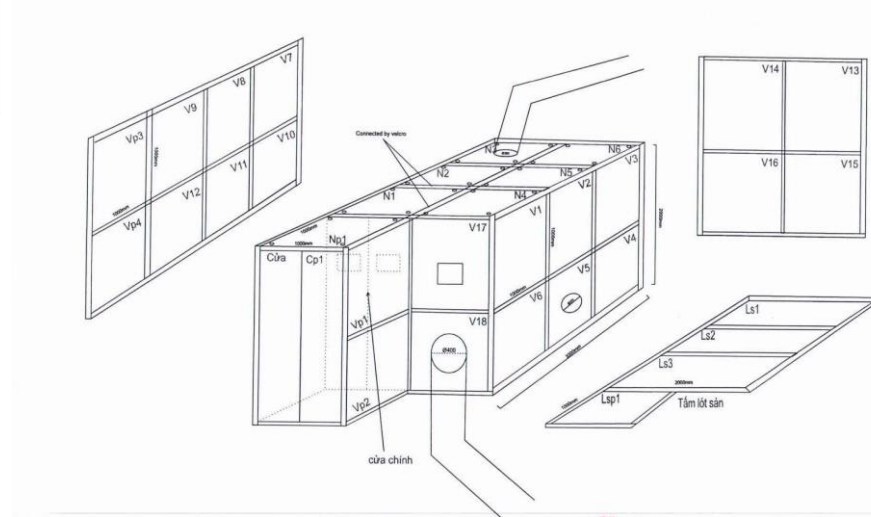
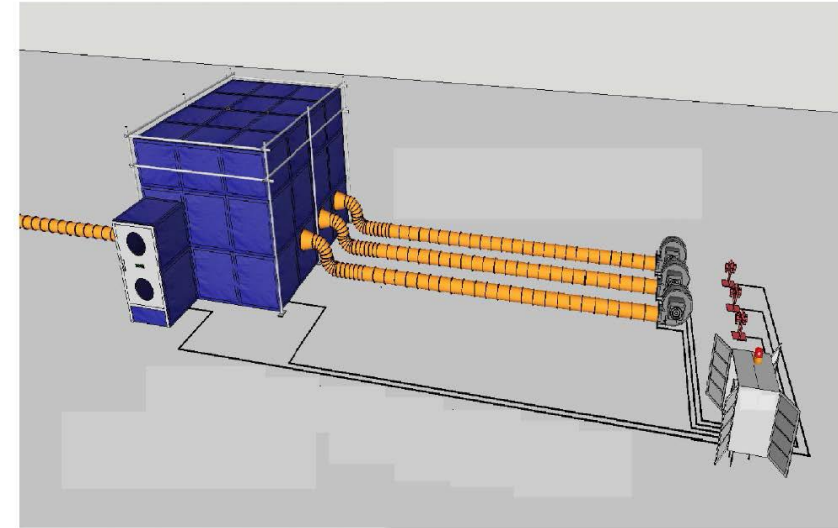
- *Project: FSO GOLDEN STAR*
- *Client : PTSC PS*
- *Location: Offshore Vietnam*

- *Project: FSO PTSC BIENDONG 01*
- *Client : PTSC PS*
- *Location: Offshore Vietnam*



Welding Habitat Services

OVERVIEW OF HABITAT SYSTEM



Pressurized Habitats sample

We providing all pressurized habitats (with dimension maximum of 5m length x 4m width x 3m height) for the hot work offshore installation in FPSO/WHP repair Projects. Hot work was planned at offshore installation of new piping/ structural steel whilst the plant is still in operation which mandatory to be complied with Client safety requirement.



Welding Habitat Services

CÔNG TY CP ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN AN TOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM -
CHI NHÁNH VŨNG TÀU
PETROVIETNAM SAFETY TRAINING AND EDUCATION JS COMPANY -
VUNG TAU BRANCH

SAFE
PVS TRAINING

GIẤY CHỨNG NHẬN / CERTIFICATE
Xác nhận / This is to certify that

Ông/Bà: **LÊ VĂN HỘI**
Mr/Ms: **LE VAN HOI**
Ngày sinh /Day of birth: **20/08/1985**
Quốc tịch/Nationally: **Việt Nam**
Đã hoàn thành khóa học/Have completed the course

PVS HABITAT
SAFETY WORKING APPLIANCE TECHNOLOGY

Kết quả/Result: **Đạt yêu cầu**
Xếp loại/Classification: **Khá**

Thời gian học: Từ ngày 11/05/2023 đến ngày 13/05/2023
Date course: From May 11 2023 to May 13 2023

Ngày cấp/ Issued date: **13/05/2023**
Ngày hết hạn/ Expiry date: **13/05/2025**
Số chứng nhận/ Cer no: **010/2023/HAB**

LE NGOC TU
Trainer/instructor

NGUYEN HONG THUONG
Training/ Operation Manager

CÔNG TY CP ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN AN TOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM -
CN VŨNG TÀU
PETROVIETNAM SAFETY TRAINING AND EDUCATION JS COMPANY

SAFE
PVS TRAINING

GIẤY CHỨNG NHẬN / CERTIFICATE
Xác nhận / This is to certify that

Ông/Bà: **NGUYEN THAO ANH**
Mr/Ms: **NGUYEN THAO ANH**
Ngày sinh /Day of birth: **19/10/1996**
Quốc tịch/Nationally: **Việt Nam**
Đã hoàn thành khóa học/Have completed the course

PVS HABITAT
SAFETY WORKING APPLIANCE TECHNOLOGY

Kết quả/Result: **Đạt yêu cầu**
Xếp loại/Classification: **Khá**

Thời gian học: Từ ngày 12/12/2022 đến ngày 14/12/2022
Date course: From Dec 12th 2022 to Dec 14th 2022

Ngày cấp/ Issued date: **16/12/2022**
Ngày hết hạn/ Expiry date: **16/12/2024**
Số chứng nhận/ Cer no: **011/2022/HAB**

LE NGOC TU
Trainer/instructor

NGUYEN HONG THUONG
Training/ Operation Manager

CÔNG TY CP ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN AN TOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM -
CN VŨNG TÀU
PETROVIETNAM SAFETY TRAINING AND EDUCATION JS COMPANY

SAFE
PVS TRAINING

GIẤY CHỨNG NHẬN / CERTIFICATE
Xác nhận / This is to certify that

Ông/Bà: **ĐÀO NAM BẮC**
Mr/Ms: **DAO NAM BAC**
Ngày sinh /Day of birth: **13/02/1994**
Quốc tịch/Nationally: **Việt Nam**
Đã hoàn thành khóa học/Have completed the course

PVS HABITAT
SAFETY WORKING APPLIANCE TECHNOLOGY

Kết quả/Result: **Đạt yêu cầu**
Xếp loại/Classification: **Khá**

Thời gian học: Từ ngày 12/12/2022 đến ngày 14/12/2022
Date course: From Dec 12th 2022 to Dec 14th 2022

Ngày cấp/ Issued date: **16/12/2022**
Ngày hết hạn/ Expiry date: **16/12/2024**
Số chứng nhận/ Cer no: **012/2022/HAB**

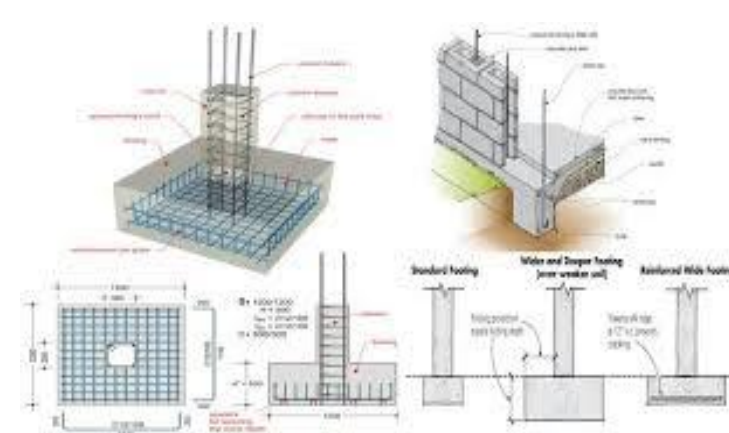
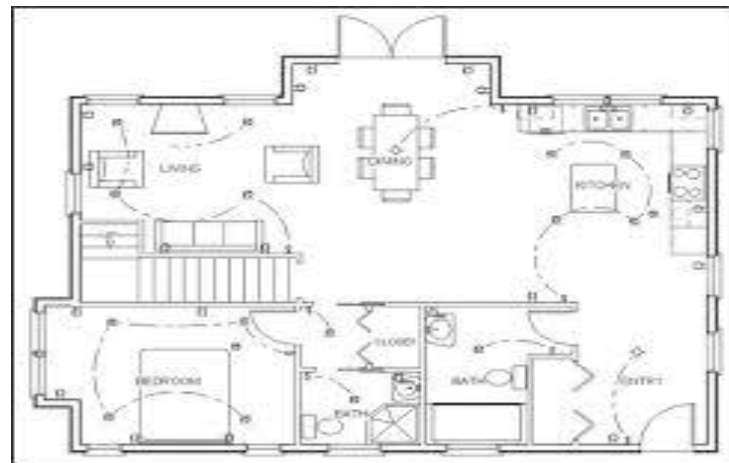
LE NGOC TU
Trainer/instructor

NGUYEN HONG THUONG
Training/ Operation Manager

The hot-work habitats shall be designed, constructed, operated & maintained by Hai Quang T&C Co., Ltd. and to cooperate with Client and ensure the habitats are correctly built and subsequent hot work are carried out safely and efficiently.

Design & Engineering

- Construction design
- Structural Drawing. ...
- Electrical Drawing. ...
- Plumbing Drawing. ...
- Finishing Drawings.
- 3D SOLID Modelling by AutoCAD



Other Services



Other services

- Oil & Gas equipment trading
- Shipping agency, visas, accommodation
- Container manufacture and supply: office/diving/cargo container...
- Consumable, fuel supply (oxy, acetylene, gases, welding wires, diesel...)



Vessel/Barge Supply/Logistic Services

- Towing/escort Lift-boat, vessel, barges, jack-ups doing jetty shifting /sea trial...
- Provide supply boat cargoes, manpower transportation to Rig, anchorage...
- Provide guard boat for guard duties at offshore
- Transportation of container/equipment/ personnel



Vessel/Barge Supply/Logistic Services

- Bunkering/berthing/towing services
- Provide deck- barge, flat top barge, AHTS vessel, DP vessel...
- Heavy lift/ Long haul services



Providing Wooden products

Provide wooden products of:

- Wooden Pallet
- Wooden lining of many sizes
- Wooden crates...



Providing Rubber Products

- Provide Airbags for ship launching

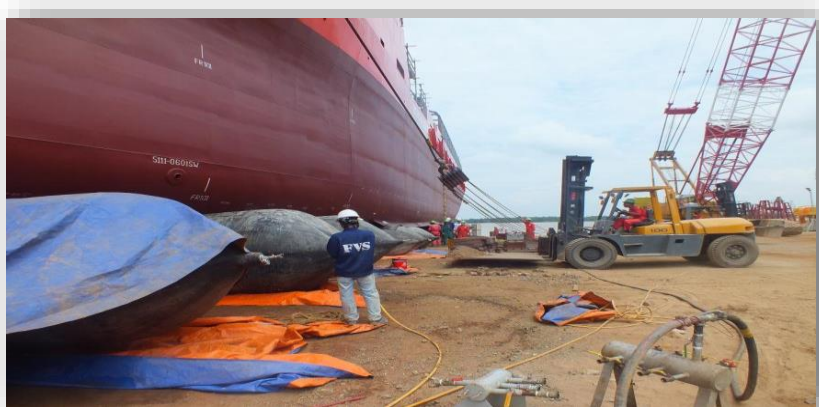
Type 1: D1.8m x L19m x 9 layers (breaking pressure: 9.1 Mpa)

Type 2: D1.5m x L15m x 6 layers (breaking pressure: 4.5 Mpa)

- Provide Fenders

Working pressure : 0.05 Mpa Testing pressure : 0.15 Mpa

- Custom rubber solutions for marine & offshore industry.



Other services

- Oil & Gas equipment trading
- Shipping agency, visas, accommodation
- Container manufacture and supply: office/diving/cargo container...
- Consumable, fuel supply (oxy, acetylene, gases, welding wires, diesel...)
- Providing equipment and industry materials.



Clients & Partners



PLEASE CONTACT US FOR YOUR VALUABLE INQUIRIES

Head office: No.18, Tang Bat Ho Street., Ward 9, Vung Tau City, S.R Viet Nam

Workshop & Warehouse: No. 973, 30/4 Road, Ward 11, VungTau city, S.R Vietnam

Tel: +84 254 3510 939 Fax: +84 254 3510 939

Hotline: +84 934 39 93 39/+84 931 858 86 88

Email: info@khangthailtd.com

Website: [www.https://khangthailtd.com](https://khangthailtd.com)

Contact person:

Mr. Thi Nguyen- CEO Email: thinq@khangthailtd.com

Phone: +84 0934 39 93 39/+84 931 858 86 88

